

Biểu mẫu 06
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND HUYỆN DIỄN CHÂU
TRƯỜNG TH DIỄN LÂM I

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2023-2024

Đơn vị: học sinh

I. Đối với lớp 1,2,3,4

1. Chất lượng giáo dục

	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
I. Kết quả học tập									
1. Tiếng Việt	960	220		254		271		215	
Hoàn thành tốt	671	163	74,1%	191	75,2%	170	62,7%	147	68,4%
Hoàn thành	281	52	23,6%	63	24,8%	100	36,9%	66	30,7%
Chưa hoàn thành	8	5	2,3%			1	0,4%	2	0,9%
2. Toán	960	220		254		271		215	
Hoàn thành tốt	661	163	74,1%	196	77,2%	158	58,3%	144	67,0%
Hoàn thành	289	56	25,5%	57	22,4%	107	39,5%	69	32,1%
Chưa hoàn thành	5	1	0,5%	1	0,4%	1	0,4%	2	0,9%
3. Đạo đức	960	220	100,0%	254	100,0%	271	100,0%	215	100,0%
Hoàn thành tốt	698	169	76,8%	193	76,0%	181	66,8%	155	72,1%
Hoàn thành	262	51	23,2%	61	24,0%	90	33,2%	60	27,9%
Chưa hoàn thành									
4. Tự nhiên và Xã hội	745	220	100,0%	254	100,0%	271	100,0%		
Hoàn thành tốt	548	169	76,8%	198	78,0%	181	66,8%		
Hoàn thành	197	51	23,2%	56	22,0%	90	33,2%		

Chưa hoàn thành									
5. Khoa học	215							215	100,0%
Hoàn thành tốt	161							161	74,9%
Hoàn thành	52							52	24,2%
Chưa hoàn thành	2							2	0,9%
6. LS &ĐL	215							215	100,0%
Hoàn thành tốt	151							151	70,2%
Hoàn thành	62							62	28,8%
Chưa hoàn thành	2							2	0,9%
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	960	220	100,0%	254	100,0%	271	100,0%	215	100,0%
Hoàn thành tốt	706	165	75,0%	196	77,2%	184	67,9%	161	74,9%
Hoàn thành	254	55	25,0%	58	22,8%	87	32,1%	54	25,1%
Chưa hoàn thành									
8. Nghệ thuật (Mĩ thuật)	960	220	100,0%	254	100,0%	271	100,0%	215	100,0%
Hoàn thành tốt	710	167	75,9%	197	77,6%	186	68,6%	160	74,4%
Hoàn thành	250	53	24,1%	57	22,4%	85	31,4%	55	25,6%
Chưa hoàn thành									
9. Hoạt động trải nghiệm	960	220	100,0%	254	100,0%	271	100,0%	215	100,0%
Hoàn thành tốt	712	168	76,4%	193	76,0%	190	70,1%	161	74,9%
Hoàn thành	248	52	23,6%	61	24,0%	81	29,9%	54	25,1%
Chưa hoàn thành									
10. Giáo dục thể chất	960	220	100,0%	254	100,0%	271	100,0%	215	100,0%
Hoàn thành tốt	710	169	76,8%	195	76,8%	183	67,5%	163	75,8%
Hoàn thành	250	51	23,2%	59	23,2%	88	32,5%	52	24,2%
Chưa hoàn thành									
11. TH-CN (Công nghệ)	486					271	100,0%	215	100,0%
Hoàn thành tốt	339					183	67,5%	156	72,6%
Hoàn thành	144					87	32,1%	57	26,5%
Chưa hoàn thành	3					1	0,4%	2	0,9%
12. TH-CN (Tin học)	486					271	100,0%	215	100,0%
Hoàn thành tốt	310					162	59,8%	148	68,8%

Hoàn thành	176					109	40,2%	67	31,2%
Chưa hoàn thành									
13. Ngoại ngữ	486					271	100,0%	215	100,0%
Hoàn thành tốt	308					179	66,1%	129	60,0%
Hoàn thành	174					90	33,2%	84	39,1%
Chưa hoàn thành	4					2	0,7%	2	0,9%
14. Tiếng dân tộc									
Hoàn thành tốt									
Hoàn thành									
Chưa hoàn thành									
II. Năng lực cốt lõi									
Năng lực chung									
Tự chủ và tự học	960	220	100,0%	254	100,0%	271	100,0%	215	100,0%
Tốt	707	173	78,6%	199	78,3%	178	65,7%	157	73,0%
Đạt	253	47	21,4%	55	21,7%	93	34,3%	58	27,0%
Cần cố gắng									
Giao tiếp và hợp tác	960	220	100,0%	254	100,0%	271	100,0%	215	100,0%
Tốt	715	177	80,5%	196	77,2%	187	69,0%	155	72,1%
Đạt	245	43	19,5%	58	22,8%	84	31,0%	60	27,9%
Cần cố gắng									
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	960	220	100,0%	254	100,0%	271	100,0%	215	100,0%
Tốt	693	175	79,5%	190	74,8%	177	65,3%	151	70,2%
Đạt	267	45	20,5%	64	25,2%	94	34,7%	64	29,8%
Cần cố gắng									
Năng lực đặc thù									
Ngôn ngữ	960	220	100,0%	254	100,0%	271	100,0%	215	100,0%
Tốt	702	176	80,0%	197	77,6%	177	65,3%	152	70,7%
Đạt	258	44	20,0%	57	22,4%	94	34,7%	63	29,3%
Cần cố gắng									
Tính toán	960	220	100,0%	254	100,0%	271	100,0%	215	100,0%

Tốt	698	179	81,4%	197	77,6%	169	62,4%	153	71,2%
Đạt	260	41	18,6%	57	22,4%	100	36,9%	62	28,8%
Cần cố gắng	2					2	0,7%		
Tin học	486					271	100,0%	215	100,0%
Tốt	326					169	62,4%	157	73,0%
Đạt	160					102	37,6%	58	27,0%
Cần cố gắng									
Công nghệ	486					271	100,0%	215	100,0%
Tốt	342					186	68,6%	156	72,6%
Đạt	144					85	31,4%	59	27,4%
Cần cố gắng									
Khoa học	215							215	100,0%
Tốt	156							156	72,6%
Đạt	59							59	27,4%
Cần cố gắng									
Thẩm mĩ	960	220	100,0%	254	100,0%	271	100,0%	215	100,0%
Tốt	724	176	80,0%	198	78,0%	187	69,0%	163	75,8%
Đạt	236	44	20,0%	56	22,0%	84	31,0%	52	24,2%
Cần cố gắng									
Thể chất	960	220	100,0%	254	100,0%	271	100,0%	215	100,0%
Tốt	737	178	80,9%	201	79,1%	186	68,6%	172	80,0%
Đạt	223	42	19,1%	53	20,9%	85	31,4%	43	20,0%
Cần cố gắng									
III. Phẩm chất chủ yếu									
Yêu nước	960	220	100,0%	254	100,0%	271	100,0%	215	100,0%
Tốt	752	178	80,9%	202	79,5%	217	80,1%	155	72,1%
Đạt	208	42	19,1%	52	20,5%	54	19,9%	60	27,9%
Cần cố gắng									
Nhân ái	960	220	100,0%	254	100,0%	271	100,0%	215	100,0%
Tốt	762	180	81,8%	203	79,9%	215	79,3%	164	76,3%
Đạt	198	40	18,2%	51	20,1%	56	20,7%	51	23,7%

Cần cố gắng									
<i>Chăm chỉ</i>	960	220	100,0%	254	100,0%	271	100,0%	215	100,0%
Tốt	734	177	80,5%	197	77,6%	199	73,4%	161	74,9%
Đạt	226	43	19,5%	57	22,4%	72	26,6%	54	25,1%
Cần cố gắng									
<i>Trung thực</i>	960	220	100,0%	254	100,0%	271	100,0%	215	100,0%
Tốt	770	184	83,6%	208	81,9%	214	79,0%	164	76,3%
Đạt	190	36	16,4%	46	18,1%	57	21,0%	51	23,7%
Cần cố gắng									
<i>Trách nhiệm</i>	960	220	100,0%	254	100,0%	271	100,0%	215	100,0%
Tốt	745	177	80,5%	199	78,3%	208	76,8%	161	74,9%
Đạt	215	43	19,5%	55	21,7%	63	23,2%	54	25,1%
Cần cố gắng									
<i>IV. Đánh giá KQGD</i>	960	220	100,0%	254	100,0%	271	100,0%	215	100,0%
- Hoàn thành xuất	293	82	37,3%	96	37,8%	61	22,5%	54	25,1%
- Hoàn thành tốt	287	76	34,5%	70	27,6%	81	29,9%	60	27,9%
- <i>Hoàn thành</i>	345	59	26,8%	87	34,3%	107	39,5%	92	42,8%
- <i>Chưa hoàn thành</i>	35	3	1,4%	1	0,4%	22	8,1%	9	4,2%
<i>V. Khen thưởng</i>	598	158	71,8%	179	70,5%	147	54,2%	114	53,0%
- Giấy khen cấp trường	598	158	71,8%	179	70,5%	147	54,2%	114	53,0%
- Giấy khen cấp trên									
<i>IX. Chương trình lớp học</i>	964	221	100,0%	255	100,0%	272	100,0%	216	100,0%
Hoàn thành	955	216	97,7%	255	100,0%	270	99,3%	214	99,1%
Chưa hoàn thành	9	5	2,3%			2	0,7%	2	0,9%

II. Đối với lớp 5

1. Chất lượng giáo dục

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 5					
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số				
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
<i>1. Kết quả học tập</i>								
<i>1. Tiếng Việt</i>	227	226	226	112	1			1
Hoàn thành tốt		114	114	66				
Hoàn thành		112	112	46	1			1
Chưa hoàn thành								
<i>2. Toán</i>	227	226	226	112	1			1
Hoàn thành tốt		171	171	83	1			
Hoàn thành		55	55	29				1
Chưa hoàn thành								
<i>3. Đạo đức</i>	227	226	226	112	1			1
Hoàn thành tốt		174	174	96	1			1
Hoàn thành		52	52	16				
Chưa hoàn thành								
<i>4. Khoa học</i>	227	226	226	112	1			1
Hoàn thành tốt		135	135	71	1			
Hoàn thành		91	91	41				1
Chưa hoàn thành								
<i>5. LS &ĐL</i>	227	226	226	112	1			1
Hoàn thành tốt		89	89	51				
Hoàn thành		137	137	61	1			1
Chưa hoàn thành								

6. Âm nhạc	227	226	226	112	1			1
Hoàn thành tốt		174	174	96	1			1
Hoàn thành		52	52	16				
Chưa hoàn thành								
7. Mỹ thuật	227	226	226	112	1			1
Hoàn thành tốt		174	174	96	1			1
Hoàn thành		52	52	16				
Chưa hoàn thành								
8. Thủ công, Kỹ thuật	227	226	226	112	1			1
Hoàn thành tốt		152	152	84				
Hoàn thành		74	74	28	1			1
Chưa hoàn thành								
9. Thể dục	227	226	226	112	1			1
Hoàn thành tốt		165	165	88	1			
Hoàn thành		61	61	24				1
Chưa hoàn thành								
10. Ngoại ngữ	227	226	226	112	1			1
Hoàn thành tốt		109	109	63				
Hoàn thành		117	117	49	1			1
Chưa hoàn thành								
11. Tin học	227	226	226	112	1			1
Hoàn thành tốt		127	127	68	1			
Hoàn thành		99	99	44				1
Chưa hoàn thành								
12. Tiếng dân tộc	227							
Hoàn thành tốt								
Hoàn thành								
Chưa hoàn thành								
II. Năng lực								

Tự phục vụ tự quản	227	226	226	112	1			1
Tốt		167	167	88				1
Đạt		59	59	24	1			
Cần cố gắng								
Hợp tác	227	226	226	112	1			1
Tốt		166	166	87	1			
Đạt		60	60	25				1
Cần cố gắng								
Tự học và giải quyết vấn đề	227	226	226	112	1			1
Tốt		143	143	79	1			1
Đạt		83	83	33				
Cần cố gắng								
III. Phẩm chất								
Chăm học chăm làm	227	226	226	112	1			1
Tốt		156	156	87				1
Đạt		70	70	25	1			
Cần cố gắng								
Tự tin trách nhiệm	227	226	226	112	1			1
Tốt		157	157	83	1			
Đạt		69	69	29				1
Cần cố gắng								
Trung thực kỷ luật	227	226	226	112	1			1
Tốt		179	179	94	1			1
Đạt		47	47	18				
Cần cố gắng								
Đoàn kết yêu thương	227	226	226	112	1			1
Tốt		186	186	99				1
Đạt		40	40	13	1			
Cần cố gắng								

IV. Khen thưởng		162	162	90	1			1
- Giấy khen cấp trường		158	158	87	1			1
- Giấy khen cấp trên		4	4	3				
V. HSĐT được trợ giảng								
VI. HS.K.Tật		2	2					2
VII. HS bỏ học kỳ II								
+ Hoàn cảnh GDKK								
+ KK trong học tập								
+ Xa trường, đi lại K.khẩn								
+ Thiên tai, dịch bệnh								
+ Nguyên nhân khác								
VIII. Chương trình lớp học	227	227	227	112	1			2
Hoàn thành	227	227	227	112	1			2
Chưa hoàn thành								

Diễn Lâm, ngày 05 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Trung